

Số: 1671/QĐ-LTT-TTGD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Xét cấp học bổng khuyến khích học nghề Học kỳ II/2019-2020

Khóa: 2019 T4 – Trung cấp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-LTT-TC ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐTBXH ký ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về học bổng khuyến khích học nghề đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục Đại học và Trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-LTT-KHTC ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020;

Căn cứ vào điểm trung bình chung học tập và kết quả rèn luyện HKII/2019-2020;

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng xét cấp học bổng khuyến khích học nghề Học kỳ II năm học 2019-2020 ngày 31 tháng 12 năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra Giáo dục – Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét cấp học bổng khuyến khích học nghề HKII/2019-2020 cho 47 sinh viên Khóa 2019 T4 – Trung cấp, đạt điểm chuẩn học bổng khuyến khích học nghề;

- Học bổng loại Xuất sắc có điểm TBCHT ≥ 9.06 và KQRL ≥ 90 = 04 SV;
- Học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 và KQRL ≥ 80 = 30 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 8.90 và KQRL ≥ 70 = 13 SV;

Tiêu chuẩn học bổng: Chỉ lấy điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất. Trong đó không có điểm thi, kiểm tra và tổng kết môn học < 5 , không có môn học lại, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên và kết quả rèn luyện từ khá trở lên trong học kỳ II (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Những sinh viên có tên trong danh sách được nhận 05 tháng học bổng theo quy định hiện hành và nhận trong HKI/2020-2021, với các mức học bổng như sau:

- Mức học bổng loại Xuất sắc = 500.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Giỏi = 425.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Khá = 250.000đ/tháng/SV;

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng, khoa, cố vấn học tập và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Lưu: VT, P.TTGD.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2019T4 - Trung cấp
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ II năm học 2019-2020

Số TT	Họ và tên	Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
											Tổng số		
A	B	C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Đoàn Thị Ngọc Uyên	19002588	19T4-KTD2	9,22	90	Xuất sắc	2.500.000	2.500.000				2.500.000	
2	Đường Bá Triều	19000663	19T4-CNÔ4	9,13	96	Xuất sắc	2.500.000	2.500.000				2.500.000	
3	Lại Gia Bảo	19000644	19T4-CNÔ3	9,12	100	Xuất sắc	2.500.000	2.500.000				2.500.000	
4	Nguyễn Cảnh Vũ	19000719	19T4-CNÔ4	9,06	98	Xuất sắc	2.500.000	2.500.000				2.500.000	
	Cộng =	4										10.000.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Mười triệu đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kính

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2019T4 - Trung cấp
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ II năm học 2019-2020

Số TT	Họ và tên	Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đôi tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
											Tổng số		
A	B	C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Lại Khắc Thạch Thiên An	19000877	19T4-CNÔ4	8,92	96	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
2	Lê Đức Anh	19000889	19T4-ANM2	8,20	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
3	Bùi Ngọc Đại Cường	19000419	19T4-CNÔ3	8,78	87	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
4	Lê Quốc Cường	19000413	19T4-ĐĐT1	9,01	82	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
5	Trần Quốc Cường	19000637	19T4-CNÔ3	8,81	100	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
6	Phạm Thành Đạt	19000659	19T4-CNÔ4	8,62	91	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
7	Trần Thái Tín Đạt	19001077	19T4-VSL1	8,11	93	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
8	Mai Ngọc Hà	19001620	19T4-CNM1	8,92	87	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
9	Trần Gia Huy	19002769	19T4-THU1	8,56	81	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
10	Vũ Ngọc Mai Khanh	19000015	19T4-CNM1	8,10	88	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
11	Vũ Trường Khanh	19000014	19T4-LTM1	9,51	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
12	Nguyễn Trung Kiên	19001288	19T4-VSL1	8,80	87	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
13	Trương Gia Kiệt	19001168	19T4-TCĐ1	8,69	99	Khá	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
14	Nguyễn Thị Hoàng Lan	19001394	19T4-QTD1	8,32	84	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
15	Nguyễn Đức Liêm	19001174	19T4-VSL1	9,15	85	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
16	Phạm Tấn Minh	19000474	19T4-CNÔ3	8,67	85	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	



A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
17	Vũ Nguyễn Hải	Nam	19000651	19T4-ĐĐT1	9,04	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
18	Nguyễn Vi Bảo	Ngọc	19001347	19T4-TCD1	8,80	90	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
19	Nguyễn Hoàng	Phi	19000788	19T4-CNÔ4	8,97	91	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
20	Bùi Nguyễn Minh	Quân	19000585	19T4-CNÔ3	8,34	81	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
21	Nguyễn Tấn	Sang	19000414	19T4-LTM1	9,00	81	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
22	Nguyễn Thái	Tài	19001369	19T4-NNA2	9,00	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
23	Phan Nhật	Tân	19003324	19T4-THU1	9,05	87	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
24	Thái Đắc Duy	Thanh	19000465	19T4-CNÔ3	8,93	100	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
25	Võ Lê Anh	Thư	19002171	19T4-ANM2	8,37	82	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
26	Dương Khánh	Uyên	19001376	19T4-CNM1	8,08	90	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
27	Phạm Tường	Vân	19002017	19T4-TCD1	8,99	81	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
28	Nguyễn Phạm Thanh	Vũ	19005007	19T4-TKW1	8,30	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
29	Nguyễn Đức	Vương	19000748	19T4-CNÔ4	8,87	84	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
30	Hồ Ngọc	Yến	19001786	19T4-KTD2	8,60	81	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
	Cộng = 30												63.750.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kinh

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2019T4 - Trung cấp
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

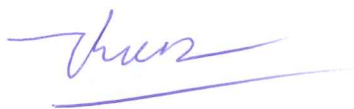
BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ II năm học 2019-2020

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đôi tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	19000960	19T4-KTD1	9,35	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
2	Phan Thị Kim	Phương	19000447	19T4-KTD1	9,30	77	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
3	Lương Quang	Phát	19001498	19T4-THU1	9,26	73	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
4	Võ Kiều Minh	Thư	19000026	19T4-NNA1	9,22	73	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
5	Nguyễn Hoàng	Dung	19000578	19T4-KTD1	9,15	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
6	Nguyễn Thủy	Trúc	19002939	19T4-NNA3	9,12	73	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
7	Nguyễn Tuyết	Thanh	19001239	19T4-KTD1	9,11	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
8	Hoàng Gia Bảo	Phúc	19001228	19T4-TKĐ2	8,99	72	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
9	Nguyễn Phan Trung	Kiên	19001573	19T4-TCĐ1	8,94	72	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
10	Trịnh Minh	Tiến	19001335	19T4-QTM1	8,92	73	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
11	Lê Hiếu	Thành	19002559	19T4-ANM1	8,92	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
12	Đỗ Phụng	Linh	19001569	19T4-KTD2	8,90	72	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
13	Đặng Bá	Khiêm	19000321	19T4-CNÔ2	8,90	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
	Cộng =		13										16.250.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Mười sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kính

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc